

A Study on Factors Affecting Student's Learning Soft Skills at Lac Hong University

Tran Thi Kim Chi

Lac Hong University, Viet Nam

* Corresponding author. Email: chittk@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 11/01/2022
Revised: 28/04/2022
Accepted: 07/09/2022
Published: 28/10/2022

KEYWORDS

Lac Hong university;
Study;
Soft skills;
Students;
Factors affecting.

ABSTRACT

Training institutions, provide workers and students who will participate in the progress of the labour force found that: It is necessary to meet the needs of quality labourers at present, when; the integration door has been opening up a variety of job opportunities for workers. This also means that the recruitment criteria are higher, requiring the workforce, in addition to professional skills, to be equipped with soft skills, which are essential skills employers value. Researching the impact of factors affecting students' soft skills learning of LHU's students has 367 questionnaires whose researcher used in this report. The results have shown that there were six factors affecting students' soft skills learning which were "Training Courses", "Teaching Methods", "Lecturers", "Facilities", "Institution Policies", and "Practising Environment". Among these, "Facilities" strongly impacted students' soft skills learning.

Nghiên Cứu Các Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Học Tập Kỹ Năng Mềm Của Sinh Viên Tại Trường Đại Học Lạc Hồng

Trần Thị Kim Chi

Trường Đại học Lạc Hồng, Đồng Nai, Việt Nam

* Tác giả liên hệ. Email: chittk@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 11/01/2022
Ngày hoàn thiện: 28/04/2022
Ngày chấp nhận đăng: 07/09/2022
Ngày đăng: 28/10/2022

TỪ KHÓA

Đại học Lạc Hồng;
Học tập;
Kỹ năng mềm;
Sinh viên;
Yếu tố ảnh hưởng.

TÓM TẮT

Các cơ sở đào tạo, nơi cung cấp lực lượng lao động và sinh viên là đối tượng chuẩn bị tham gia vào lực lượng lao động đã nhận thấy rằng: Để đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực lao động trong giai đoạn hiện tại, khi mà cánh cửa hội nhập đã và đang mở ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Điều này cũng đồng nghĩa với các tiêu chí tuyển dụng cao hơn, đòi hỏi nguồn nhân lực ngoài kỹ năng nghề nghiệp thì cần phải trang bị kỹ năng mềm, là kỹ năng quan trọng đang được các nhà tuyển dụng coi trọng. Nghiên cứu đi tìm kiếm mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên tại trường Đại học Lạc Hồng. Có 367 phiếu khảo sát được tác giả sử dụng trong nghiên cứu này. Nghiên cứu cho kết quả 6 yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên là "Chương trình đào tạo; Phương pháp giảng dạy; Đội ngũ giảng viên; Cơ sở vật chất; Cơ chế chính sách; Môi trường rèn luyện", trong đó yếu tố "Cơ sở vật chất" ảnh hưởng mạnh nhất đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

Doi: <https://doi.org/10.54644/jte.72B.2022.1125>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, các quốc gia phải nỗ lực thay đổi trong mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Trong đó, yếu tố con người chính là chìa khóa dẫn đến sự thành công cho mọi sự thay đổi. Đặc biệt, sinh viên là lực lượng nòng cốt để xây dựng xã hội hiện đại mới. Để đáp ứng được nhu cầu của xã hội, các bạn sinh viên không chỉ có kiến thức chuyên môn tốt mà còn phải trang bị cho mình những kỹ năng mềm cần thiết. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò quan trọng của kỹ năng mềm đối với sự thành công của con người trong thời đại mới. Theo thông tin từ trang web của Tạp chí Giáo dục Việt Nam có dẫn chứng rằng: thế kỷ 21 được xem là kỷ nguyên của kinh tế dựa vào kỹ năng, năng lực của con người được đánh giá trên ba khía cạnh kiến thức, kỹ năng và thái độ [1]. Bên cạnh đó, cũng theo thông tin từ trang web của Tạp chí Giáo dục Việt Nam chỉ ra rằng người thành đạt chỉ có 25% là do những kiến thức chuyên môn, 75% còn lại được quyết định bởi những kỹ năng mềm họ được trang bị một cách chủ động, tích cực trước đó [1]. Qua đó cho thấy rằng, kỹ năng mềm ngày càng được chú trọng và quan tâm đối với sự phát triển của con người trong quá trình học tập cũng như làm việc. Trong quá trình tuyển dụng nhân sự, các nhà quản lý luôn đánh giá cao những sinh viên mới tốt nghiệp nhưng có kỹ năng tốt. Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng quản lý đội nhóm và các trải nghiệm thực tế... mà sinh viên có được trong quá trình học là các tiêu chí quan trọng mà các nhà quản lý quan tâm khi tuyển dụng ứng viên. Nhận thức được vai trò quan trọng của kỹ năng mềm, các cơ sở đào tạo ngày càng chú trọng về hoạt động giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên. Mục đích cuối cùng là tạo ra đội ngũ nhân lực chất lượng cao, đáp ứng tốt như cầu của doanh nghiệp và xã hội. Trường Đại học Lạc Hồng cũng đã và đang chú trọng về hoạt động đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Sau khi tiếp nhận những phản hồi về sự yếu kém về kỹ năng của sinh viên mới tốt nghiệp, Trường Đại học Lạc Hồng bắt đầu từ năm 2013, kỹ năng mềm đã được đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo chính khóa với 18 kỹ năng cho các ngành đào tạo được rèn luyện qua mỗi năm học. Mục tiêu của trường là đảm bảo cho sinh viên trước khi tốt nghiệp sẽ tự tin với năng lực của mình, vững vàng thích nghi với môi trường làm việc mới. Vậy làm sao để các chương trình đào tạo kỹ năng mềm của trường đảm bảo chất lượng và mang lại hiệu quả cao? Việc tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên tại trường Đại học Lạc Hồng là một việc làm cần thiết. Bởi vì kết quả nghiên cứu sẽ giúp cho các cơ sở đào tạo nói chung và Trường Đại học Lạc Hồng nói riêng đưa ra những chính sách, những chiến lược để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo thông qua hoạt động đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Điều này sẽ tạo nên sự thành công trong học tập, công việc và cuộc sống của sinh viên ngay khi tốt nghiệp.

1.1 Giải quyết vấn đề

❖ Khái niệm kỹ năng mềm

Đứng ở nhiều khía cạnh, nhiều góc độ khác nhau mà các nhà nghiên cứu định nghĩa về kỹ năng mềm cũng khác nhau. Theo kết quả nghiên cứu của N.J.Patrick (2008) định nghĩa kỹ năng mềm là khả năng, cách thức mà chúng ta tiếp cận và phản ứng với môi trường xung quanh, không phụ thuộc vào trình độ chuyên môn và kiến thức. Kỹ năng mềm không phải là yếu tố bẩm sinh về tính cách hay là những kiến thức của sự hiểu biết lý thuyết mà đó là khả năng thích nghi với môi trường và con người để tạo ra sự tương tác hiệu quả trên bình diện cá nhân và cả công việc [2].

Theo nghiên cứu của Forland, Jeremy (2006) cho rằng kỹ năng mềm là một thuật ngữ thiên về mặt xã hội để chỉ những kỹ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, khả năng hoà nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hiệu quả trong giao tiếp giữa người với người. Nói khác đi, đó là kỹ năng liên quan đến việc con người hoà mình, chung sống và tương tác với cá nhân khác, nhóm, tập thể, tổ chức và cộng đồng [3].

Theo Nguyễn Đình Duy Nghĩa (2019), kỹ năng mềm là những kỹ năng không liên quan trực tiếp đến kiến thức chuyên môn mà thiên về mặt tinh thần của mỗi cá nhân nhằm đảm bảo cho quá trình thích ứng với người khác, nhằm duy trì tốt mối quan hệ tích cực và góp phần hỗ trợ thực hiện công việc một cách hiệu quả [4].

Theo Lê Thị Hiếu Thảo, Lê Thị Lan Anh (2018), kỹ năng mềm là sản phẩm của thực tiễn, là năng lực hay khả năng chuyên biệt của một cá nhân về một hoặc nhiều khía cạnh nào đó được sử dụng để giải quyết tình huống hay công việc nào đó phát sinh trong cuộc sống để đạt được mục đích đề ra [5].

Điểm chung của hầu hết các khái niệm về kỹ năng mềm đó là, các kỹ năng thuộc về tính cách của con người, những hành vi ứng xử, giao tiếp và cho phép tương tác với người khác mà người học được đào tạo hoặc trải nghiệm nhằm tích lũy cho mình để dàng được chấp nhận, làm việc thuận lợi và đạt được hiệu quả.

❖ Các loại kỹ năng mềm

Kỹ năng mềm không có định vì chúng không có khuôn mẫu cụ thể, cho nên không thể hình thành một tiêu chuẩn đánh giá nhất định, cũng không mang tính chuyên môn mà nó là khả năng ngoại giao, làm việc nhóm, lãnh đạo... ở mỗi cá nhân. Cũng chính vì thế, các nghiên cứu hầu như đi phân loại kỹ năng mềm theo hướng liệt kê các kỹ năng mềm được thể hiện trong quá trình tương tác với con người và công việc. Chẳng hạn như nghiên cứu của Nguyễn Đình Duy Nghĩa (2019), có trích dẫn nghiên cứu của Bộ lao động Mỹ (The U.S. Department of Labor) cùng với Hiệp hội Đào tạo và phát triển Mỹ (The American Society of Training and Development) đã nghiên cứu và đưa ra “13 kỹ năng để thành công trong công việc và những kỹ năng mềm là trung tâm: kỹ năng học và tự học; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn; kỹ năng xác lập mục tiêu/ tạo động lực làm việc; kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp; kỹ năng giao tiếp và tạo lập quan hệ; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thương lượng; kỹ năng tổ chức công việc hiệu quả; kỹ năng lãnh đạo” [4].

Tại Úc, cuốn “Kỹ năng hành nghề cho tương lai” xuất bản năm 2002 với sự tham gia của nhiều tổ chức chuyên môn thì cho rằng, có 8 kỹ năng mềm sau: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng sáng tạo và mạo hiểm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng quản lý bản thân; kỹ năng học tập; kỹ năng về công nghệ [4].

Tại Canada, Bộ Phát triển Nguồn lực và Kỹ năng Canada (Human Resources and Skills Development Canada) đưa ra các kỹ năng hành nghề cho thế kỷ XXI gồm các kỹ năng cơ bản: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng tư duy và hành vi tích cực; kỹ năng thích ứng; kỹ năng làm việc với con người; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ và toán [4].

1.2 Các yếu tố tác động đến hoạt động học tập kỹ năng mềm và giả thuyết nghiên cứu

Các nghiên cứu ngoài nước, trước đây chỉ tập trung đi xác định các kỹ năng mềm quan trọng cần trang bị cho sinh viên và xác định khung kỹ năng mềm của các quốc gia, như trong nghiên cứu của Nguyễn Đình Duy Nghĩa (2019) khung kỹ năng cốt lõi của Úc, tập trung vào các cấp độ của 5 kỹ năng mềm: học tập, đọc, viết, giao tiếp bằng lời và kỹ năng toán học [4].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu chỉ tập trung đi xem xét nhu cầu học tập, thực trạng rèn luyện các kỹ năng mềm của sinh viên tại các trường đại học, như là nghiên cứu của Nguyễn Bá Huân, Bùi Thị Ngọc Thoa (2018) đánh giá thực trạng các nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, rồi đề xuất các giải pháp cho các yếu tố là Hình thức đào tạo; Nội dung đào tạo; Quy mô lớp học và phương pháp đào tạo; Thời gian đào tạo; Học phí khóa học kỹ năng mềm [6]. Nghiên cứu của Huỳnh Văn Sơn (2018), yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên là: Giáo viên ở trường Đại học; Các tổ chức Đoàn, Hội; Bạn bè cùng trường, cùng khoa; Gia đình; Internet; Các tổ chức huấn luyện ngoài trường; Người hướng dẫn thực tập, anh chị đi trước; Bản thân sinh viên [7]. Nghiên cứu của Trần Thanh Mai (2019), đưa ra 3 yếu tố là hoạt động giảng dạy, hoạt động học tập và cơ sở vật chất [8], Nghiên cứu của Lê Hà Thu (2016), xét trên hai mặt chủ quan và khách quan hay xem xét các yếu tố bên trong và bên ngoài bao gồm: Tâm lý; Sức khỏe; Sở thích; Gia đình; Các mối quan hệ thầy cô, bạn bè; Lịch học; Tài liệu [9].

Nhận thấy, các nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Do đó, nghiên cứu này càng trở nên cấp thiết trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thông qua việc xem xét từng mức độ tác động của từng yếu tố để xây dựng chiến lược riêng cho hoạt động học tập kỹ năng mềm của Nhà trường. Đồng thời góp phần tác động vào nhận thức của sinh viên về sự cần thiết trong hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

Như vậy, từ các nghiên cứu được tiếp cận biến độc lập được tác giả mô tả qua 6 yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên là: (1) Chương trình đào tạo; (2) Phương pháp giảng dạy; (3) Đội ngũ giảng viên; (4) Cơ sở vật chất; (5) Cơ chế chính sách; (6) Môi trường rèn luyện. Với hoạt động học tập kỹ năng mềm là biến phụ thuộc, các biến độc lập bao gồm:

- Chương trình đào tạo: “Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học” (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học, Điều 2) [10].

Giả thuyết H1: Chương trình đào tạo kỹ năng mềm của nhà trường ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp giảng dạy chính là tổ hợp các cách thức hoạt động của giáo viên trong việc sử dụng các điều kiện dạy học nhất định, mang lại hiệu quả cao trong công tác dạy và học. Vì vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là tính tất yếu giúp sinh viên có thể chủ động được thời gian học tập. Nhiệm vụ của giảng viên là cung cấp phạm vi kiến thức, xác định nội dung tự học và cách học cho sinh viên. Nhiệm vụ của sinh viên là nhận nội dung bài tập mà giáo viên giao, sau đó tiến hành tự học, tự nghiên cứu theo phạm vi vấn đề, định hướng câu hỏi của giáo viên.

Giả thuyết H2: Phương pháp giảng dạy được đổi mới, có tính tích cực hóa người học sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên là chủ thể, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, dịch vụ và sự phát triển của nhà trường. Theo Nguyễn Thị Quỳnh Hương (2020) cho rằng Đội ngũ giáo viên là lực lượng sản xuất đặc biệt tạo ra sản phẩm là nguồn nhân lực, đồng thời là chủ thể định hướng kiến tạo sự phát triển bền vững của xã hội [11]. Đội ngũ giảng viên trẻ trung, năng động, nhiệt huyết, có năng lực tốt về chuyên môn là một lợi thế giúp cho sinh viên có được kỹ năng tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu xã hội.

Giả thuyết H3: Đội ngũ giảng viên có trình độ, sự nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

- Cơ sở vật chất: là các điều kiện giảng dạy như là trang thiết bị, tài liệu, phương tiện giảng dạy phục vụ hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên. Vì vậy, việc trang bị các phòng học chuẩn hóa, đa dạng các dụng cụ và cập nhật các tài liệu giúp cho quá trình đào tạo kỹ năng mềm đạt hiệu quả và theo kịp xu thế.

Giả thuyết H4: Cơ sở vật chất ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

- Cơ chế chính sách: là những định hướng, những nguyên tắc cơ bản trong việc xác định mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung, phương pháp giáo dục và tổ chức hệ thống giáo dục, đào tạo. Vì vậy, cơ chế chính sách đào tạo với mục đích rõ ràng như là: quy định các kỹ năng cho từng chuyên ngành, số lượng các kỹ năng sinh viên cần phải hoàn thành, quy định về thời gian đào tạo, học phí, tổ chức thi đánh giá năng lực,..., cần được thông tin rộng rãi cho sinh viên nắm bắt kịp thời.

Giả thuyết H5: Cơ chế chính sách càng rõ ràng sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

- Môi trường rèn luyện: là nơi để sinh viên rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành, tích lũy kỹ năng, tập trung vào những phẩm chất nổi bật của mình. Do đó, để tạo ra môi trường rèn luyện hiệu quả nhà trường cần đem đến cái nhìn thực tế cho sinh viên thông qua các hoạt động như là: các buổi ngoại khóa, talkshow, hoạt động cộng đồng, những chương trình từ câu lạc bộ, Đoàn thanh niên sẽ đem đến sự học hỏi mở rộng hơn cho sinh viên.

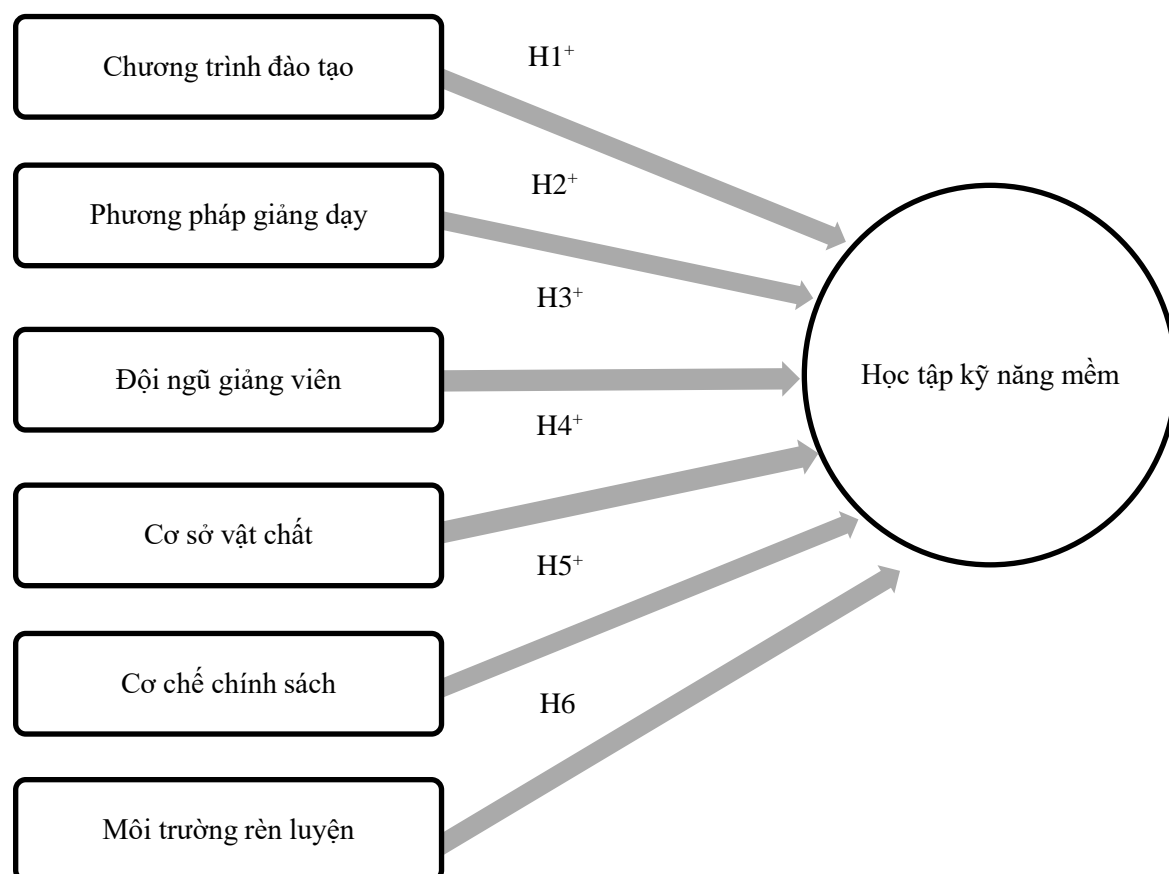
Giả thuyết H6: Môi trường rèn luyện ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm và thang đo đề xuất từ những nghiên cứu tiếp cận, được tác giả sử dụng để đo lường sự ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên, bước đầu tương ứng với 6 thành phần bao gồm 36 biến quan sát được cấu thành nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến việc

học tập kỹ năng mềm của sinh viên đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây: Nguyễn Bá Huân, Bùi Thị Ngọc Thoa (2018) Huỳnh Văn Sơn (2018), Trần Thanh Mai (2019), Lê Hà Thu (2016).

Cách lấy mẫu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp, hoặc email hay Google Docs thông qua bảng câu hỏi khảo sát khi trao đổi với sinh viên từ năm 2 vì việc học tập kỹ năng mềm bắt đầu từ học kỳ 3,... Để xây dựng thang đo chính thức phù hợp, ngắn gọn và đầy đủ ý nghĩa, tác giả tiến hành thảo luận bằng cách trao đổi với chuyên gia là lãnh đạo bộ phận đào tạo kỹ năng mềm và lãnh đạo các Khoa, nhân viên, giảng viên chuyên đào tạo kỹ năng mềm. Sau đó kiểm định lại thang đo bằng cách khảo sát sơ bộ với 30 phiếu khảo sát. Nghiên cứu sơ bộ cho kết quả, thang đo chính thức còn 28 biến quan sát của 6 yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên : (1) Chương trình đào tạo (CTDT) có 5 biến quan sát; (2) Phương pháp giảng dạy (PP) có 4 biến quan sát; (3) Đội ngũ giảng viên (GV) có 4 biến quan sát; (4) Cơ sở vật chất (VC) có 5 biến quan sát; (5) Cơ chế chính sách (CS) có 5 biến quan sát; (6) Môi trường rèn luyện (MT) có 5 biến quan sát. Thang đo học tập kỹ năng mềm dựa vào cơ sở lý thuyết từ nghiên cứu của Phạm Kim Cương (2021) bao gồm 3 biến quan sát: nhận thức hoạt động bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng tương tác với con người, kỹ năng ứng dụng kỹ năng mềm trong công việc [12].



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Kết quả và bàn luận

Nguyễn Đình Thọ (2013), kích thước mẫu tốt nhất dùng cho phân tích nhân tố khám phá (EFA), là 10:1 trở lên, với tỷ lệ này cỡ mẫu tối thiểu đạt tốt nhất là $n > 280$ theo tỷ lệ quan sát 10:1 [13].

Mô hình và thang đo chính thức được hình thành, tác giả tiến hành khảo sát chính thức vào tháng 10/2021 với 380 phiếu phát ra, sau khi loại bỏ các phiếu không hợp lệ cuối cùng có 367 phiếu đạt yêu cầu.

Bảng 1. Thống kê mẫu nghiên cứu

Biến	Nội Dung
Đối tượng khảo sát	Năm hai = 17,4%; Năm ba = 38,2%; Năm tư = 44,4%
Nhóm ngành	Kinh tế xã hội = 60,4%; Khối kỹ thuật = 39,6%

Nguồn: tác giả tổng hợp

• **Kiểm định độ tin cậy**

Kết quả kiểm định độ tin cậy đều lớn hơn 0.6 và hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 đạt yêu cầu cho bước nghiên cứu tiếp theo là phân tích EFA.

Bảng 2. Kết quả phân tích

	Ma trận thành phần xoay					
	1	2	3	4	5	6
CTDT3. Cấu trúc CTĐT linh hoạt, tạo thuận lợi cho sinh viên.	.889					
CTDT5. Giảng viên được tham gia vào quá trình xây dựng/ điều chỉnh CTĐT	.878					
CTDT4. CTĐT được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật	.821					
CTDT2. CTĐT cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	.786					
CTDT1. CTĐT cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng được trang bị cho sinh viên	.754					
MT4. Các hoạt động Đoàn, Hội, CLB bổ ích và có ý nghĩa thiết thực		.836				
MT2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trong Nhà trường rất đa dạng		.808				
MT5. Các hoạt động giáo dục trong Nhà trường được tổ chức phù hợp với từng đối tượng và chuyên ngành của sinh viên		.771				
MT1. Các hoạt động giáo dục được thực hiện trong thực tế, có sự định hướng, hướng dẫn của Nhà trường		.755				
MT3. Các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ, hăng hái trong học tập.		.719				
CS5. Sinh viên được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, y tế và an toàn, an ninh trong khuôn viên trường			.868			
CS4. Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được Trường quan tâm giải quyết kịp thời			.816			
CS1. Sinh viên được cung cấp/phổ biến đầy đủ về các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường			.715			

CS2. Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá từng kỹ năng	.709
CS3. Kết quả thông báo đến sinh viên đúng thời gian quy định	.697
VC2. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học	.821
VC3. Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh viên	.802
VC4. Hệ thống máy tính, mạng internet, wifi của Trường đáp ứng nhu cầu của sinh viên	.795
VC1. Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên	.700
VC5. Thư viện của Trường có đầy đủ sách, tài liệu phục vụ cho quá trình học tập	.630
PP2. GV áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực nhằm khuyến khích sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	.957
PP3. GV có biện pháp khuyến khích sinh viên sáng tạo và tự duy độc lập trong quá trình học tập	.849
PP1. GV tạo hứng thú học tập cho sinh viên trong giờ học	.836
PP4. GV tiếp thu ý kiến đóng góp và phản hồi kịp thời các thắc mắc của SV	.766
GV2. GV cập nhật liên tục các nội dung và thông tin mới liên quan đến môn học	.807
GV1. GV có kiến thức chuyên môn tốt	.793
GV3. GV nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy	.745
GV4. Công tác chuẩn bị nội dung, tài liệu, bài giảng của GV tốt	.718
KMO	0.859
Bartlett's Sig	0.000
Eigenvalue	1.533
Tổng phương sai trích (Cumulative)	69.785

Nguồn: tác giả tổng hợp

Kết quả cho thấy, biến độc lập đạt giá trị hội tụ và phân biệt, hệ số KMO = 0.859 > 0.5 có ý nghĩa phân tích nhân tố là thích hợp, hệ số Bartlett's có sig = 0.000 < 0.05 có ý nghĩa thống kê thích hợp để nhóm biến, hệ số eigenvalue là 1.533 > 1 và tổng phương sai trích là 69.785 % > 50%, con số này cho biết các yếu tố này đã giải thích 69.79% biến thiên của dữ liệu, nên thỏa điều kiện phân tích nhân tố. Như vậy, phân tích cho kết quả cuối cùng đã rút trích được 6 yếu tố với 28 biến quan sát (Bảng 2).

Bảng 3. Kết quả phân tích biến phụ thuộc

Thành phần	Hệ số tải	Tổng phương sai trích %	Eigenvalue %
KNM1	.901	89.704	2.691
KNM2	.917		
KNM3	.873		

Nguồn: tác giả tổng hợp

Kết quả phân tích biến phụ thuộc cho thấy ba biến quan sát của thang đo học tập kỹ năng mềm được nhóm thành một nhân tố và giá trị với các chỉ tiêu thông kê là phù hợp (eigenvalue là $2.691 > 1$, hệ số tải lớn hơn 0.5, tổng phương sai trích là 89.704%).

• **Kết quả kiểm định các giả thuyết của mô hình**

Kết quả phân tích hồi quy thấy R^2 điều chỉnh là 0.632 nói lên độ thích hợp của mô hình là 63.2%, hay nói cách khác các biến độc lập ảnh hưởng đến 63.2% sự biến thiên của biến học tập kỹ năng mềm, còn lại 36.8% sự kiểm soát ảnh hưởng của các biến ngoài mô hình do sai số ngẫu nhiên.

Bảng 4. Kết quả hồi quy tuyến tính của từng biến

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Sig.	Đo lường đa cộng tuyến
	B	Sai số chuẩn	Beta		VIF
HS	-.930	.208		.000	
CTDT	.183	.044	.158	.000	1.440
MT	.153	.048	.125	.001	1.494
1 CS	.195	.049	.155	.000	1.487
VC	.672	.049	.548	.000	1.574
PP	.079	.032	.079	.003	1.101
GV	.092	.033	.105	.002	1.096
R ² hiệu chỉnh 0.632					
Durbin-Watson 1.671					
Mức ý nghĩa (Sig. của ANOVA): 0,000					

Nguồn: tác giả tổng hợp

Dữ liệu bảng 4 cho thấy thấy Sig đều nhỏ hơn 0.05 nên không có trường hợp loại biến, do đó mà các biến có mối quan hệ tuyến tính với hoạt động học tập kỹ năng mềm.

Ngoài ra, hệ số Durbin là 1.671 nên không xảy ra hiện tượng tự tương quan và hệ số phóng đại phương sai đều có $VIF < 2$, do đó không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến và mô hình hồi quy là phù hợp.

Dựa vào hệ số β chuẩn hóa để đánh giá mức độ tác động của các yếu tố tác động đến học tập kỹ năng mềm. Theo Nguyễn Đình Thọ (2013), yếu tố nào có hệ số β càng cao thì càng có tác động mạnh vào biến phụ thuộc [13]. Theo kết quả, ta thấy yếu tố Cơ sở vật chất ảnh hưởng mạnh nhất đến việc học tập kỹ năng mềm (với $\beta = 0.548$), điều này nói lên ý nghĩa rằng phát triển cơ sở vật chất hiện đại với các phòng học chuẩn hóa, đa dạng các dụng cụ và cập nhật các tài liệu, cùng với việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin giúp cho quá trình đào tạo kỹ năng mềm đạt hiệu quả và theo kịp xu thế. Kế đến, Chương trình đào tạo có sự tác động đáng kể và mạnh thứ hai ($\beta = 0.158$) đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Từ góc nhìn thực tế liên quan đến việc học tập kỹ năng mềm, đó là việc Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo mang đến nhiều sự lựa chọn phong phú cho người học, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của toàn xã hội, sẽ đem lại cho sinh viên sự tin tưởng tuyệt đối chương trình đào tạo của nhà trường. Cơ chế chính sách là yếu tố tác động mạnh thứ ba ($\beta = 0.155$) đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Trong quá trình sử dụng các chính sách, quy định cần được thông tin rộng rãi cho sinh viên nắm bắt kịp thời, sẽ giúp cho sinh viên chủ động trong học tập. Môi trường rèn luyện là yếu tố tác động mạnh thứ tư ($\beta = 0.125$) đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Đối với sinh viên việc xây

dựng và duy trì một môi trường rèn luyện tích cực, sẻ chia, phấn đấu, trưởng thành, tích lũy kỹ năng sẽ tạo được sự tự tin, hứng thú cho học tập sinh. Đội ngũ giảng viên là yếu tố tác động mạnh thứ năm ($\beta = 0.105$) đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Khi Nhà trường xây dựng được Đội ngũ giảng viên có trình độ, sự nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm sẽ là một lợi thế giúp cho sinh viên có được kỹ năng tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu xã hội. Và sau cùng, yếu tố Phương pháp giảng dạy được đánh giá là có sự ảnh hưởng yếu nhất ($\beta = 0.079$) việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Khi Nhà trường xây dựng được một cơ sở vật chất, cơ chế chính sách, chương trình đào tạo và môi trường học tập chất lượng thì phương pháp giảng dạy là sự giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên ngày càng thuận lợi hơn.

Tuy nhiên nghiên cứu khảo sát các đối tượng là sinh viên năm 2 năm 3 và năm 4 cũng như sinh viên khối ngành kinh tế xã hội và khối ngành kỹ thuật. Vì đặc điểm nội dung học kỹ năng mềm của sinh viên ở các năm học không giống nhau nên kết quả nghiên cứu về tổng thể chưa đại diện cho từng đối tượng sinh viên. Đây là một hướng cho các nghiên cứu tiếp theo của tác giả.

Từ kết quả trên, các giả thuyết được phát biểu lại trong bảng sau:

Bảng 5. Bảng tổng hợp kết quả kiểm định

Giả thuyết	Yếu tố	Kết quả
H1	Chương trình đào tạo kỹ năng mềm của nhà trường càng sở hữu mục tiêu rõ ràng, thiết kế có hệ thống, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường sẽ tác động tích cực làm cho hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên càng hiệu quả hơn.	Chấp nhận
H2	Phương pháp giảng dạy được đổi mới, có tính tích cực hóa người học càng đảm bảo cho quá trình thích ứng, duy trì tốt mối quan hệ sẽ tác động tích cực làm cho hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên càng hiệu quả hơn.	Chấp nhận
H3	Đội ngũ giảng viên càng có trình độ cao, nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên.	Chấp nhận
H4	Cơ sở vật chất trang bị phòng học càng chuẩn hóa, đa dạng các dụng cụ và cập nhật các tài liệu sẽ ảnh hưởng tích cực đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên càng hiệu quả.	Chấp nhận
H5	Cơ chế chính sách càng rõ ràng thì hoạt động học tập kỹ năng mềm sẽ chủ động và đạt hiệu quả càng cao.	Chấp nhận
H6	Môi trường rèn luyện càng tạo ra sân chơi lành mạnh để sinh viên phát triển, tạo sự tự tin, hứng thú sẽ ảnh hưởng tích cực đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên càng hiệu quả.	Chấp nhận

Qua bảng trên chúng ta thấy giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 và H6 đều tác động cùng chiều đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Điều này có ý nghĩa là cả 06 giả thuyết đều được chấp nhận, vì khi tăng những yếu tố này sẽ tác động tích cực đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên, hay nói cách khác khi cảm nhận tích cực của sinh viên về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, cơ chế chính sách và môi trường rèn luyện kỹ năng mềm càng đạt hiệu quả cao. Từ những phân tích trên ta có thể kết luận mô hình lý thuyết thích hợp với dữ liệu nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu được chấp nhận.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu tập trung xem xét mức độ tác động theo một cách tiếp cận các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập. Từ đây, làm tiền đề cho các cơ sở đào tạo nói chung và Trường Đại học Lạc Hồng nói riêng, xem xét từng mức tác động của từng yếu tố để xây dựng chiến lược riêng cho hoạt động học tập kỹ năng mềm của Nhà trường. Đồng thời

góp phần tác động vào nhận thức của sinh viên về sự cần thiết trong hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

Nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập kỹ năng mềm của sinh viên trường Đại học Lạc Hồng. Tuy nhiên nghiên cứu khảo sát các đối tượng là sinh viên năm 2 năm 3 và năm 4 cũng như sinh viên khối ngành kinh tế xã hội và khối ngành kỹ thuật, nên kết quả nghiên cứu về tổng thể chưa đại diện cho từng đối tượng sinh viên. Các yếu tố tác động đến hoạt động kỹ năng mềm trong nghiên cứu là yếu tố khách quan, còn các yếu tố chủ quan như là năng lực học tập, sở thích, động cơ học tập,... chưa được nghiên cứu đề cập. Đây là một hướng cho các nghiên cứu tiếp theo của tác giả.

Mô hình này giải thích được 63.2% sự biến thiên thiên của yếu tố học tập kỹ năng mềm là do 6 biến độc lập trong mô hình tác động và 36.8% được giải thích bởi các yếu tố khác mà trong phạm vi nghiên cứu này chưa đề cập đến như là: quy mô lớp học, sinh viên, thành phần xuất thân, Vấn đề này cũng cần xem xét cho nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tạp chí điện tử Giáo dục Việt nam, Kỹ năng mềm – Chìa khóa của thành công và hạnh phúc, 06/5/2020, từ <https://giaoduc.net.vn/ky-nang-mem-chia-khoa-cua-thanh-cong-va-hanh-phuc-post209135.gd>
- [2] Nancy J. Patrick, Social skills for teenagers and adults with esperger syndrom, *Jessica Kingsley Publisher*, 2008
- [3] Forland, Jeremy, *Managing Teams and Technology*, UC Davis, Graduate School of Management, 2006
- [4] Nguyễn Đình Duy Nghĩa, Nghiên cứu một số biện pháp giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất của Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế theo tiếp cận năng lực, Đại học Huế, p11-12, 2019
- [5] Lê Thị Hiếu Thảo, Lê Thị Lan Anh, *Nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng mềm tại các trường Đại học, Cao đẳng trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0*, Hội thảo khoa học "Tư vấn tâm lý học đường trước tác động của cuộc cách mạng 4.0 tại Bà Rịa Vũng Tàu, p92, 2018
- [6] Nguyễn Bá Huân, Bùi Thị Ngọc Thoa, Thực trạng nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh trường Đại học Lâm Nghiệp, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, 6, 162-168, 2018
- [7] Huỳnh Văn Sơn, Một số yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên các trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học xã hội, nhân văn và Giáo dục UED*, 4, 100-109, 2018
- [8] Trần Tuyết Mai, Những yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập kỹ năng mềm của sinh viên trong môi trường đại học, *Tạp chí Công thương*, 2019
- [9] Lê Hà Thu, *Quản lý giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo tiếp cận năng lực*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, p18, 2016
- [10] Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học, Điều 2
- [11] Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Phát triển đội ngũ giảng viên tại cơ sở giáo dục Đại học tại Việt Nam, *Tạp chí Công thương*, p2, 2020
- [12] Phạm Kim Cương, *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một đạt chuẩn đầu ra theo CDIO*, Kỷ yếu hội thảo khoa học "Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế theo mô hình CDIO", 162-165, 2021
- [13] Nguyễn Đình Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản lao động và Xã hội, p 415, 2013



Corresponding author:
Dr. Tran Thi Kim Chi
Lac Hong University, VietNam
Department: Bussiness Administration
Degree: Master
Date: 2015
Address: 10/12, Buu Hoa ward , Bien Hoa City, Dong Nai Province.
Phone Number: 0935020686
Email Address: chittk@lhu.edu.vn